

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định
trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức,
đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHOÁ XVIII - KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 12/2010/NQ-HĐND ngày 29 ngày 10 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khoá XVIII - Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 02 tháng 8 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH**Phạm Thị Thanh Trà**

QUY ĐỊNH

**Về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý,
sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công bao gồm: Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, thuê tài sản công, xử lý tài sản công (thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại), xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước; thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Những nội dung khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công chưa quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công, các nghị định của Chính phủ, các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và pháp luật có liên quan về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện).
4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).
5. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị).
6. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công nhằm bảo đảm việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo đúng quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; việc phân cấp phù hợp với quy định về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách nhà nước và phù hợp với thực tế yêu cầu công tác quản lý, sử dụng tài sản công của tỉnh Yên Bái.

2. Chỉ phân cấp những nội dung mà Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các nghị định của Chính phủ quy định Hội đồng nhân dân tỉnh được phân cấp.

3. Tài sản công được đầu tư, trang bị theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và đảm bảo sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (trừ mua sắm tài sản công theo dự án đầu tư) từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao đầu năm và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản, gồm:

- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô thuộc phạm vi quản lý của địa phương từ tất cả các nguồn kinh phí, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên/01 lần mua tài sản từ nguồn ngân sách Nhà nước;

- Tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên/01 lần mua tài sản từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động của đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư).

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp giao dự toán ngân sách (sau đây gọi tắt là sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh), quyết định mua sắm tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này), gồm:

- Tài sản có giá trị dưới 1 tỷ đồng/01 lần mua tài sản do đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động (trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này).

- Tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/01 lần mua tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc.

- Tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên đến dưới 1 tỷ đồng/01 lần mua sắm tài sản từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản, gồm:

- Tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này), có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/01 lần mua tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý;

- Tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên đến dưới 1 tỷ đồng/01 lần mua sắm tài sản từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này).

d) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 lần mua tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị.

đ) Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đơn vị thực hiện như sau:

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, quyết định mua sắm tài sản theo chế độ quy định;

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 1 tỷ đồng/01 lần mua tài sản;

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (trừ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh), quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 lần mua tài sản.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn kinh phí để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước, thì thẩm quyền quyết định mua sắm được thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này.

2. Đối với tài sản mua sắm theo phương thức tập trung: Thẩm quyền quyết định mua sắm thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. Quy trình thực hiện mua sắm tập trung được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu; danh mục tài sản mua sắm tập trung, đơn vị mua sắm tập trung thực hiện theo quy định và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Việc bố trí dự toán ngân sách nhà nước và tổ chức thực hiện mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan. Trường hợp phát sinh nhu cầu mua sắm tài sản ngoài dự toán được giao đầu năm, thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô; tài sản khác có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần mua tài sản sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng tài sản quyết định mua sắm tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 3 Điều này), có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 lần mua sắm theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định và dự toán mua sắm bổ sung đã được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương có giá trị tiền thuê từ 100 triệu đồng/năm trở lên trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý có giá trị tiền thuê dưới 100 triệu đồng/năm trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản ngoài trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản ngoài trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Số lượng, chủng loại tài sản được thuê phải phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng của tài sản đó và khả năng của ngân sách nhà nước.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đơn vị.

4. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất), xe ô tô, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương; tài sản khác của các sở, ban, ngành, tổ chức cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần thu hồi tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, tổ chức cấp tỉnh, của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản ngoài trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 lần thu hồi tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương; tài sản khác giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thị xã, thành phố.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản ngoài trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất), xe ô tô, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất),

xe ô tô trước khi quyết định bán phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần bán tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 lần bán tài sản của đơn vị và tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 lần bán tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý.

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp.

5. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) được hình thành từ nhiều nguồn kinh phí, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định bán tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với các tài sản, gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

b) Tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên/01 lần thanh lý tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 lần thanh lý đối với tài sản của đơn vị và tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 lần thanh lý tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất trong trường hợp phá dỡ giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư, xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 lần thanh lý tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp sử dụng tài sản không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 lần thanh lý tài sản, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 lần thanh lý tài sản, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

6. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, bao gồm:

a) Tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất (không bao gồm quyền sử dụng đất), xe ô tô, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước.

b) Tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần tiêu hủy tài sản.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 lần tiêu hủy tài sản của đơn vị và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 lần tiêu hủy tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý của địa phương, bao gồm:

a) Tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước.

b) Tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần xử lý tài sản.

2. Thủ trưởng sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 lần xử lý tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý.

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc địa phương quản lý

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại khoản này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản.

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ các tài sản theo quy định thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản thuộc thẩm quyền Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Công an.

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

đ) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô; tài sản bị tịch thu theo quy định của pháp luật được xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng; tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 lần xử lý tài sản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện ra quyết định tịch thu (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

c) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

d) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu (trừ trường hợp quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân) như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô; tài sản bị tịch thu theo quy định của pháp luật được xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng; tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 lần xử lý tài sản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện ra quyết định kết án, tịch thu (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều này).

c) Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh ra quyết định kết án, tịch thu (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều này).

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế, hàng hóa tồn đọng (trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b và d khoản 3 Điều 19 Nghị định 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự,

thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân) như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, hàng hóa tồn đọng.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, di sản không có người nhận thừa kế.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản của quỹ bị giải thể; tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước; tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết; tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan có trách nhiệm chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và theo phân cấp tại Quy định này.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

CHỦ TỊCH



Phạm Thị Thanh Trà